

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Số: 36/2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN Số: 1069
Ngày: 24/11/16
Chuyên: Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp
Lưu hồ sơ số: đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ và Nghị định số 120/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 2 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày tháng năm 2016 về quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thực hiện Quyết định này.

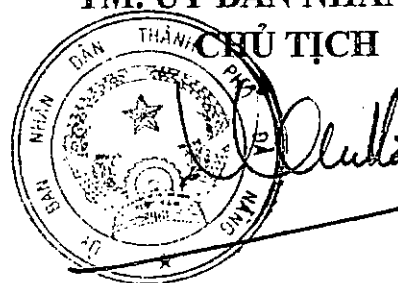
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2012 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về sửa đổi Khoản 1, Điều 5 quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 02/3/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Bộ KH&CN;
- Cục KTVB Bộ Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành; UBND các quận huyện;
- UBMTTQ VN thành phố và các đoàn thể;
- Cục Thuế; Kho bạc NN thành phố;
- Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH thành phố;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- CPVP, các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, KGVX. *MD*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Huỳnh Đức Thọ

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36 /2016/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 11 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Mục đích

a) Tăng cường hoạt động chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng tiếp nhận công nghệ, làm chủ công nghệ được chuyển giao của các doanh nghiệp, thực hiện tái cơ cấu công nghệ tại các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa;

b) Gắn hoạt động nghiên cứu triển khai với việc hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đẩy mạnh hoạt động ươm tạo công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 18/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, cụ thể:

a) Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và thương mại trên địa bàn thành phố (bao gồm cả hợp tác xã, không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có nghiên cứu tạo công nghệ hoặc thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ;

b) Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố có nghiên cứu ứng dụng, triển khai ứng dụng công nghệ, cải tiến công nghệ, giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ và có chuyển giao cho các doanh nghiệp kết quả nghiên cứu nêu trên.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến

việc tổ chức, triển khai thi hành Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.
2. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của nhà nước.
3. Không hỗ trợ cho doanh nghiệp nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân khi đã được nhận hỗ trợ theo quy định này hoặc đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
4. Khi tiếp nhận công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ giống nhau chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp. Việc xem xét hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4 Điều 13 Quy định này.
5. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.
2. *Chuyển giao công nghệ* là quá trình đưa công nghệ từ bên giao công nghệ (bên có công nghệ) sang bên nhận công nghệ để bên nhận công nghệ có năng lực công nghệ như bên giao công nghệ và tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước về chuyển giao công nghệ.
3. *Sản phẩm mới* là sản phẩm có tính năng mới (bao gồm các sản phẩm là phần mềm trong công nghệ thông tin và truyền thông); công dụng mới; sử dụng vật liệu mới so với sản phẩm cùng loại hiện có trên thị trường; là sản phẩm triển khai ở nước khác nhưng chưa được triển khai ở nước ta hoặc là tổ hợp của hai hoặc nhiều đặc điểm trên.
4. *Đổi mới công nghệ* là thay thế một phần đáng kể (cốt lõi, cơ bản) hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một công nghệ khác.
5. *Cải tiến công nghệ* là quá trình hoàn thiện, nâng cao khả năng công nghệ đang sử dụng để mang lại hiệu quả hơn hoặc làm cho công nghệ phù hợp với thực tế sản xuất và mang lại hiệu quả.

Điều 5. Loại hình công nghệ được hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 18/2016/NQ-HĐND, cụ thể:

1. Công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao.

2. Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm; Công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; Công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

3. Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

4. Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ.

5. Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn hóa và sở hữu trí tuệ.

6. Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố) do Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

Điều 6. Điều kiện được hỗ trợ

1. Các doanh nghiệp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 có các điều kiện sau đây:

- a) Thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ quy định tại Điều 5;
- b) Thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- c) Điều kiện ưu tiên

Ưu tiên các doanh nghiệp có một hoặc nhiều điều kiện sau đây:

- Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của thành phố; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được thành phố ưu tiên phát triển;
- Doanh nghiệp có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp đã đạt Giải thưởng Chất lượng Việt Nam;
- Không vi phạm các quy định của pháp luật về môi trường;
- Thực hiện tốt các hoạt động xã hội.

2. Các tổ chức, cá nhân quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 có các điều kiện sau đây:

- a) Là chủ sở hữu hoặc có quyền chuyển giao đối với công nghệ được chuyển giao;
- b) Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ;
- c) Có địa chỉ chuyển giao công nghệ.

Chương II

NỘI DUNG HỖ TRỢ

Điều 7. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật ở các doanh nghiệp các kiến thức quản lý công nghệ, cụ thể:

1. Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Kỹ năng lựa chọn công nghệ, đàm phán, xây dựng và ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, năng suất, chất lượng, và các vấn đề có liên quan.

3. Kỹ năng quản trị doanh nghiệp, quản trị dự án, tài chính, nhân sự... cho đội ngũ cán bộ quản lý của các doanh nghiệp.

4. Quản lý sản xuất, các phương pháp quản lý hiện đại, tiên tiến, các công cụ phục vụ quản lý, phương pháp triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu ở cơ sở sản xuất.

5. Phương pháp đánh giá công nghệ.

6. Hướng dẫn xây dựng bộ phận nghiên cứu và triển khai khi các doanh nghiệp có yêu cầu.

7. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ bố trí kinh phí, chủ trì phối hợp với các tổ chức có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện theo quy định từ Khoản 1 đến Khoản 5 Điều này.

Điều 8. Hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

Thực hiện theo nội dung Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 18/2016/NQ-HĐND, cụ thể:

1. Chuyển giao công nghệ độc lập

Hỗ trợ đến 70% giá trị hợp đồng mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ.

2. Chuyển giao công nghệ có kèm thiết bị công nghệ

a) Hỗ trợ đến 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao;

b) Hỗ trợ đến 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;

c) Trường hợp mua thiết bị công nghệ có kèm hợp đồng chuyển giao công nghệ thì hỗ trợ hợp đồng mua công nghệ theo Khoản 1 Điều này.

3. Hỗ trợ đến 70% cho chi phí thực hiện nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; uơm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

4. Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại Khoản 1; 2; 3 Điều này không vượt quá 3 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp trong một năm.

5. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 2 dự án quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều này.

Điều 9. Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ

1. Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn

a) Hỗ trợ 30 triệu đồng cho xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 27000..., các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác);

b) Hỗ trợ 35 triệu đồng khi tích hợp cùng một lúc nhiều tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp;

c) Hỗ trợ 10 triệu đồng thực hiện tái chứng nhận hệ thống quản lý;

d) Hỗ trợ 10 triệu đồng khi doanh nghiệp tích hợp bổ sung tiêu chuẩn quản lý khác vào hệ thống quản lý của doanh nghiệp đã được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

2. Hỗ trợ 10 triệu đồng/tiêu chuẩn để thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Hỗ trợ không quá 2 tiêu chuẩn/năm cho một doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm để đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy. Hỗ trợ không quá 2 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ 10 triệu đồng để đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ phát minh hoặc sáng chế hoặc giải pháp hữu ích của doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ 3 triệu đồng/nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký sở hữu trong nước.

6. Hỗ trợ 20 triệu đồng/nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký sở hữu ở nước ngoài.

7. Trường hợp doanh nghiệp đăng ký nhiều nhãn hiệu, nhiều kiểu dáng công nghiệp cho một sản phẩm thì chỉ hỗ trợ đăng ký một nhãn hiệu và một kiểu dáng công nghiệp. Một doanh nghiệp hỗ trợ không quá 03 (ba) nhãn hiệu, kiểu

dáng công nghiệp/năm.

8. Tổng mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 đến Khoản 7 Điều này cho một doanh nghiệp không quá 500 (năm trăm) triệu đồng/năm. Chỉ hỗ trợ 01 (một) lần cho các nội dung quy định Khoản 1 Điều này.

9. Việc hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều này được căn cứ vào kinh phí phân bổ hằng năm và ưu tiên cho các doanh nghiệp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Điều 10. Hỗ trợ tư vấn công nghệ

1. Hỗ trợ thông tin giới thiệu tổ chức tư vấn, nhà cung cấp, chuyên gia, tư vấn lựa chọn công nghệ, lập dự án đổi mới công nghệ, đàm phán, lập hợp đồng chuyển giao công nghệ, ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, tiếp nhận công nghệ. Giới thiệu các công nghệ mới, các kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp để các doanh nghiệp lựa chọn các giải pháp công nghệ.

2. Hỗ trợ đến 70% kinh phí đánh giá công nghệ tại các doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao cho doanh nghiệp, tối đa không quá 5 (năm) triệu đồng/doanh nghiệp trong một năm.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được tham gia sàn giao dịch công nghệ ảo (Techmart Online) miễn phí trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký tham gia.

Điều 11. Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, các chương trình, dự án

1. Các sở, ban, ngành của thành phố có trách nhiệm hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia các Chương trình, dự án của các tổ chức trong và ngoài nước, Chương trình, dự án của quốc gia về hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đầu tư đổi mới công nghệ.

3. Việc hỗ trợ bao gồm hướng dẫn tiếp cận, xây dựng dự án, các thủ tục để nhận hỗ trợ.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC VÀ TRÌNH TỰ XÉT HỖ TRỢ

Điều 12. Nguồn kinh phí và thẩm quyền quyết định hỗ trợ

1. Sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để hỗ trợ, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hỗ trợ.

2. Sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

a) Chủ tịch UBND thành phố quyết định hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ theo Điều 8 Quy định này.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ theo Điều 9, Điều 10 Quy định này.

3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác

Việc hỗ trợ sẽ căn cứ theo thỏa thuận với chủ thể của nguồn kinh phí.

Điều 13. Thủ tục và trình tự hỗ trợ dự án đổi mới, cải tiến công nghệ (quy định tại Điều 8)

1. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị;
- Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ (bản sao, nếu có);
- Hợp đồng mua thiết bị công nghệ (bản sao, nếu có);
- Biên bản nghiệm thu, hóa đơn giá trị gia tăng có liên quan (bản sao);
- Các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm và liên quan đến các điều kiện ưu tiên (bản sao, nếu có);
- Hồ sơ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của năm trước liền kề. Trường hợp còn nợ thuế thì doanh nghiệp có cam kết trả nợ thuế và được cơ quan thuế chấp thuận bằng văn bản;
- Báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ đã được triển khai thực hiện tại doanh nghiệp bao gồm cả các báo cáo về hiệu quả kinh tế và các hiệu quả khác từ đổi mới công nghệ (đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã triển khai hoàn thành dự án đổi mới công nghệ).

2. Thủ tục xét hỗ trợ

a) Hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ (Sở KH&CN)

- Nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ và tiến hành thẩm định hồ sơ;
- Lập Hội đồng đánh giá dự án. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, Sở KH&CN trình UBND phê duyệt về nội dung được hỗ trợ của dự án và mức hỗ trợ;
- Sau khi được UBND thành phố chấp thuận, Sở KH&CN ký hợp đồng hỗ trợ với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;
- Sở KH&CN theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện. Lập Hội

đồng khoa học đánh giá kết quả thực hiện dự án. Căn cứ nội dung, khối lượng, chất lượng thực hiện dự án, tiến hành làm thủ tục giải ngân theo thực tế thực hiện.

b) Hỗ trợ từ nguồn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ

Trình tự, thủ tục tài trợ theo quy định của Quỹ.

c) Hỗ trợ từ nguồn kinh phí khác

Căn cứ vào nguồn kinh phí huy động, nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân đóng góp để hỗ trợ cho doanh nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thực hiện trình tự thủ tục hỗ trợ theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí hỗ trợ.

3. Thời hạn giải quyết hỗ trợ không quá 60 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

4. Trường hợp trong thời hạn 10 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của một doanh nghiệp hay tổ chức, cá nhân, nếu có doanh nghiệp hay tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ xin hỗ trợ tiếp nhận công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ giống nhau, việc hỗ trợ sẽ được xem xét cho doanh nghiệp hay tổ chức, cá nhân triển khai áp dụng vào thực tế trước. Nếu chưa có đơn vị nào áp dụng vào thực tế thì xem xét hỗ trợ cho đơn vị có nhiều điều kiện ưu tiên hơn quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 6. Trong trường hợp hai đơn vị có số điều kiện ưu tiên như nhau thì xem xét cho đơn vị nộp hồ sơ trước.

Điều 14. Thủ tục và Trình tự hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ (quy định tại Điều 9)

1. Hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ;
- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);
- Bản sao Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn; Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; Công bố hợp chuẩn; Văn bằng đăng ký sở hữu trí tuệ, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá (có kèm bản gốc để đối chiếu);
- Hồ sơ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của năm trước liền kề. Trường hợp còn nợ thuế thì doanh nghiệp có cam kết trả nợ thuế và được cơ quan thuế chấp thuận bằng văn bản.

2. Thủ tục

a) Hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

Sở KH&CN:

- Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ;
- Lập Hội đồng xem xét tính phù hợp với các điều kiện của Quy định này;

- Thực hiện giải ngân.

b) Hỗ trợ từ nguồn của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Trình tự, thủ tục tài trợ theo quy định của Quỹ.

3. Thời hạn giải quyết hỗ trợ không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổng hợp và xem xét đánh giá sơ bộ nhu cầu của các doanh nghiệp về đổi mới, cải tiến công nghệ.

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị được lựa chọn tham gia công tác đào tạo, huấn luyện.

3. Tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 và Khoản 1 Điều 14.

4. Lập Hội đồng để đánh giá thẩm định các dự án đổi mới, cải tiến công nghệ của doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu, cá nhân.

5. Thông báo kết quả thẩm định mức hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và thực hiện giám sát quá trình triển khai.

6. Tổng hợp kết quả đánh giá, thẩm định của Hội đồng khoa học trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt mức hỗ trợ.

7. Ký hợp đồng tài trợ với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

8. Lập Hội đồng để đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án của các doanh nghiệp, tổ chức và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Chương II của Quy định này.

9. Chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành ý tưởng, thực hiện triển khai các đề tài, dự án đổi mới công nghệ thuộc phạm vi lĩnh vực của ngành mình.

2. Hằng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, dự toán của Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ lập, Sở Tài chính kiểm tra tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, chi khác và báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố

phê duyệt kinh phí thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố:

- a) Thực hiện tài trợ theo mức tài trợ của quy định này;
- b) Hướng dẫn lập hồ sơ, giải ngân kịp thời, tuân thủ đầy đủ các thủ tục theo quy định hiện hành;
- c) Cân đối nguồn vốn thực hiện tài trợ các doanh nghiệp theo đúng đối tượng, nội dung, phương thức đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, các Hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố theo quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

1. Lập nhu cầu đổi mới công nghệ đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, lập dự án đổi mới công nghệ (theo mẫu quy định).

2. Tổ chức tiến hành triển khai dự án theo đúng nội dung, khối lượng, thời gian và kinh phí được phê duyệt.

3. Trong quá trình triển khai dự án các tổ chức phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

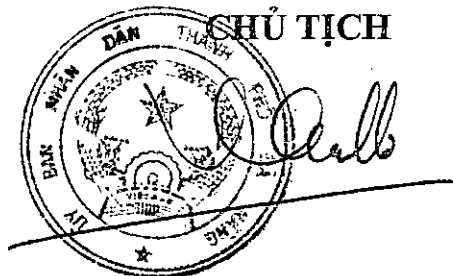
Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

ai

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ